

Name:

Class: S6



Grammar:

Ngày giao bài: Thứ, ngày/....

Reading:

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/....

Writing:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 6

Unit 9: Amazing arts - Grammar 2 & Writing

❖ **Lưu ý:** Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.

A. GRAMMAR:

❖ **Present tenses with future meaning** (*các thì hiện tại diễn tả tương lai*)

- Trong tiếng Anh, một số thì hiện tại có thể **diễn tả tương lai** khi nói về **lịch trình cố định** hoặc **kế hoạch cá nhân đã sắp xếp trước**.

Thì	Cách dùng	Công thức	Ví dụ
Present Simple (<i>Hiện tại đơn</i>)	Lịch trình cố định (<i>tàu, xe, lịch làm việc, sự kiện...</i>)	(+) S + V(s/es) + future time. (-) S + do/does + not + V + future time. (?) Do/Does + S + V + future time?	The train leaves tomorrow . The train does not leave at 10 . Does the train leave at 9 a.m.?
Present Continuous (<i>Hiện tại tiếp diễn</i>)	Kế hoạch cá nhân đã sắp xếp trước (<i>cuộc hẹn, du lịch, tiệc...</i>)	(+) S + is/am/are + V-ing + future time. (-) S + is/am/are + not + V-ing + future time. (?) Is/Am/Are + S + V-ing + future time?	I am meeting my friend at 5 p.m. I am not meeting her tomorrow. Are you meeting him tonight?

Note: S: chủ ngữ; V: động từ; V-ing: động từ thêm đuôi ing; future time: thời gian tương lai.

❖ **Adjective orders** (*trật tự tính từ*)

- Khi có **nhiều tính từ** (*adjectives*) đứng trước một danh từ, chúng phải được **sắp xếp** theo **một thứ tự nhất định** để câu nghe tự nhiên. Quy tắc **OSASCOMP** giúp chúng ta nhớ thứ tự này dễ dàng hơn.

opinion	size	age	shape	color	origin	material	purpose	noun
beautiful	small	new	thin	red	Vietnamese	silk	sleeping	dress

Note:

1 – **opinion**: quan điểm

4 – **shape**: hình dạng

7 – **material**: chất liệu

2 – **size**: kích thước

5 – **color**: màu sắc

8 – **purpose**: mục đích

3 – **age**: tuổi

6 – **origin**: nguồn gốc

9 – **noun**: danh từ

B. EXTRA VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	elegant (adj)	thanh lịch, tao nhã	4	frame (n)	khung
2	sightseeing (n)	hoạt động tham quan	5	job applicant (n.phr)	người xin việc
3	highly recommended (adj.phr)	được đánh giá cao, rất được khuyên dùng	6	company branch (comp.n)	chi nhánh công ty

❖ **Note:** n = noun: danh từ, adj = adjective: tính từ, adj.phr = adjective phrase: cụm tính từ,

n.phr = noun phrase: cụm danh từ, comp.n = compound noun: danh từ ghép.

* Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép vào vở mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. HOMEWORK

Exercise 1: Circle the correct answer.

0. I bought a _____ bag at the store yesterday.

A. big black leather B. leather black big C. black big leather D. leather big black

1. She adopted a _____ cat from the animal shelter.
 A. small white cute B. white cute small C. cute small white D. white small cute
2. They live in a(n) _____ house by the lake.
 A. old beautiful wooden B. beautiful wooden old C. wooden old beautiful D. beautiful old wooden
3. I saw a _____ car parked outside.
 A. French small red B. red small French C. small red French D. red French small
4. She wore a _____ dress to the party.
 A. long blue silk B. blue silk long C. silk long blue D. blue long silk
5. He gave me a _____ mug as a gift.
 A. ceramic nice big B. nice big ceramic C. big ceramic nice D. ceramic big nice

Exercise 2: Complete the dialogue with the present tenses.

Will: Hi Sharon. Where (0) are you going (go) with your suitcase?

Sharon: I am traveling to New York on a business trip.

Will: What time does your plane leave?

Sharon: My plane (1) leave at 17:45 and (2) arrive in New York at 19:00.

Will: And, what are you doing in New York?

Sharon: I have a busy week there. I am interviewing some job applicants, I (3) take part in the selection process, and I am visiting the company branch in the city.

Will: When (4) you come back?

Sharon: Next Friday morning. Are you free on Friday evening? We could meet.

Will: Why not? There's a film I'd like to see at the cinema.

Sharon: What time (5) the film start?

Will: It starts at 19:30. I'll pick you up.

Sharon: O.K, sounds great. See you on Friday!

Exercise 3: Complete the sentences using the given prompts with present tenses.

0. She / leave / for Paris / next Monday

→ She is leaving for Paris next Monday.

1. They / not have / a meeting / at 10 a.m. tomorrow

→ _____.

2. you / meet / your teacher / after class today?

→ _____?

3. The bus / arrive / at 7:30 a.m. / every weekday

→ _____.

4. The train / not stop / at this station / on Sundays

→ _____.

5. What time / the restaurant / open / on Saturdays?

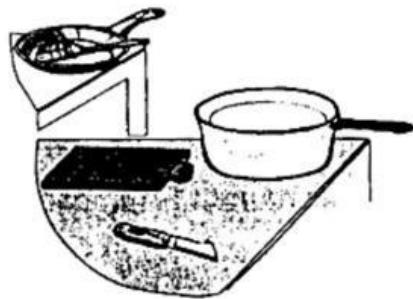
→ _____?

**PART 2****QUESTIONS 6–10**

Read the sentences about cooking a meal.

Choose the best word (A, B or C) for each space.

For questions 6–10, mark A, B or C on your answer sheet.



Example:

0 Last week, Louise some friends at her new school.

A made B started C played

Answer: 0 B C

6 She all of them to dinner at her house on Saturday evening.

A phoned B invited C said

7 Louise wrote the things she needed to buy for the meal on a of paper.

A piece B slice C part

8 She was on Saturday morning so she went shopping in the afternoon.

A full B busy C difficult

9 Louise two hours cooking the meal.

A waited B spent C passed

10 When the meal was , everyone sat down to eat.

A right B sure C ready

D. WRITING



TOPIC: Write a short paragraph about your favorite building.

- What is the name of the building?
- Where is it?
- What does it look like? (big, small, tall, colorful...)
- What can people do there?
- Why do you like it?

Suggested Idea 1: Hanoi Opera House

- ❖ **What is the name of the building, and where is it?**
 - Name: Hanoi Opera House
 - Location: Hanoi, Vietnam
- ❖ **What does it look like?**
 - A large, old, and beautiful building.
 - A French-style design with yellow and white walls.
 - Elegant and classic.
- ❖ **What can people do there?**
 - Watch traditional and modern performances.
 - Learn about the history of Vietnamese culture.
 - Taking photos and sightseeing.
- ❖ **Why do you like this building? Would you recommend it to others?**
 - Historical and culturally important.
 - A beautiful and unique design.
 - A great place for art and music lovers.
 - Highly recommended for tourists visiting Hanoi.

Suggested Idea 1: Eiffel Tower

- ❖ **What is the name of the building, and where is it?**
 - Name: Eiffel Tower
 - Location: Paris, France
- ❖ **What does it look like?**
 - A very tall and famous metal tower.
 - A unique structure with an iron frame.
 - Lights up beautifully.
- ❖ **What can people do there?**
 - Go to the top to see the amazing view of Paris.
 - Take photos and enjoy French food in the restaurants nearby.
 - Many souvenir shops around the tower.
- ❖ **Why do you like this building? Would you recommend it to others?**
 - A symbol of Paris and France.
 - An interesting history and design.
 - Romantic and a great place for travelers.
 - Highly recommended for anyone visiting France.